

Bản án số: 14/2019/DSST  
Ngày: 16/4/2019  
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mai Thu

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Đình Thọ  
Ông Vũ Văn Thang

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa:** Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Khuất Minh T** (Khuất Văn T) - SN 1958 (Có mặt)

ĐKKHKT+nơi cư trú: khu 5, khu T, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh

- **Bị đơn: Bà Trần Thị Cao H** - SN 1968 (Có mặt)

ĐKKHKT: 10A, Tập thể xí nghiệp B, phường V, quận H, Hà Nội

Tạm trú tại: số nhà 50, phố L, xã N, huyện T, TP Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 19/10/2017 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Khuất Minh T (Khuất Văn T) trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Cao H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn khoảng năm 1990 (ngày tháng năm thì ông không nhớ) tại UBND xã Đ (nay là phường Đ), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay giấy tờ đăng ký kết hôn ông không lưu giữ được, sổ đăng ký gốc thì UBND phường Đ cũng không còn nên ông không có đề nộp cho Tòa án, nhưng việc đăng ký kết hôn của vợ chồng ông có các cán bộ trực tiếp làm thời đó xác nhận. Vợ chồng ông có

tổ chức lễ cưới tại quê vợ ở xã N, huyện T, Hà Nội. Sau đó vợ chồng ông thuê nhà sống tại xã N. Vợ chồng chung sống được khoảng ba năm và sinh được hai con chung thì ông đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Thỉnh thoảng ông có gửi tiền cho bà H nuôi con. Trong thời gian ở nước ngoài ông có hai lần về phép. Năm 2017, ông về nước và sinh sống ở Quảng Ninh cứ không về sống chung cùng bà H. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn bà H và không đồng ý hòa giải.

Về con chung: vợ chồng ông 02 con chung là Khuất Minh T sinh ngày 15/02/1991 và Khuất Minh P sinh ngày 21/12/1992. Các con ông bà đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên các cháu tự quyết định ở với ai, bà không yêu cầu Tòa án xem xét. Nhưng do sơ suất của gia đình ông nên đã không làm giấy khai sinh cho các con ngay, mà sau đó mới đi khai sinh cho hai cháu cùng ngày.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Trong văn bản ngày 10/10/2018 và các văn bản khai tiếp theo, bị đơn là bà Trần Thị Cao H trình bày:*

Bà và ông Khuất Minh T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký năm 1993 tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống khoảng một năm thì ông T đi nước ngoài và ông T làm ăn sinh sống thường xuyên ở nước ngoài. Từ năm 1994 đến nay, ông T về phép khoảng 3 lần, mỗi lần về phép thì sống cùng mẹ con bà ở Hà Nội. Lần về phép gần đây nhất của ông T cách đây khoảng 4 năm, thời gian về phép khoảng 2 đến 3 tháng, nhiều nhất là 1 năm. Ông T có thỉnh thoảng gửi tiền về để bà nuôi hai con nhưng không nhiều. Khoảng hơn một năm nay, mẹ con bà chuyển về sinh sống và làm nhà ở trên đất của bố mẹ bà tại địa chỉ số 50, phố L, xã N, huyện T, Hà Nội. Mẹ con bà có đăng ký tạm trú tại địa chỉ này. Bà không muốn ly hôn ông T vì vợ chồng bà không có lý do gì để ly hôn, bà muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên nếu ông T thỉnh thoảng quyết xin ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Khuất Minh T và Khuất Thị Minh P cùng sinh ngày 21/12/1993. Thời gian bà sinh con, ông T không quan tâm đến gia đình nên không nắm rõ ngày tháng năm sinh của các con. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành, đang sống cùng bà tại địa chỉ trên, chưa lập gia đình riêng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng bà có thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 320m<sup>2</sup> tại thôn 5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; đã được UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất ngày 21/02/2012 mang tên hai vợ chồng bà. Hiện nay thửa đất này ông bà đang cho em ông T mượn để làm lò gốm sứ. Ông bà không xây dựng nhà ở hay công trình gì trên đất. Bà có quan điểm là nếu vợ chồng ly hôn thì bà đề nghị phân chia thửa đất này theo pháp luật. Đối với ngôi nhà mẹ con bà đang sinh sống được xây dựng trên đất của bố mẹ bà tại xã N, thì tiền làm nhà là của bà, ông T không có đóng góp gì.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Ông T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và không đồng ý đoàn tụ. Bà H xuất trình bản gốc giấy đăng ký kết hôn của hai vợ chồng và có quan điểm: việc ông T xin ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ông bà xác nhận đã tự thỏa thuận xong tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Khuất Minh T đối với bà Trần Thị Cao H. Về con chung: xác nhận vợ chồng ông bà có 02 con chung là Khuất Minh T và Khuất Thị Minh P cùng sinh ngày 21/12/1993; các con ông bà đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không xem xét. Về tài sản chung: vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì ông Khuất Minh T và bà Trần Thị Cao H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/8/1993 tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp tiến bộ. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống chung một thời gian tại xã N, huyện T, TP Hà Nội thì ông T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến năm 2017 ông T về nước, nhưng lại không sống cùng vợ con mà sống ở thị xã Đ, Quảng Ninh. Trong thời gian ông T ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con; bản thân bà H một mình nuôi con và gánh vác trách nhiệm chính trong gia đình. Qua điều tra xác minh tại địa phương và những người thân hai bên gia đình ông bà thì thực tế ông T bà H sống ly thân từ năm 1993,

hầu như vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Từ khi về nước, ông T đã chủ động làm thủ tục ly hôn nhiều lần nhưng chưa được. Về phía bà H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã rất nhiều lần triệu tập đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng bà H vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 55 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khuất Minh T đối với bà Trần Thị Cao H.

[3] Về con chung: căn cứ và giấy khai sinh do chính quyền địa phương cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định: ông T và bà H có 02 con chung là Khuất Minh T và Khuất Thị Minh P cùng sinh ngày 21/12/1993. Các con ông bà đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên các anh, chị ở với ai do các anh, chị tự quyết định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### ***Áp dụng:***

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Khuất Minh T (Khuất Văn T) được ly hôn bà Trần Thị Cao H.

2. Về con chung: xác nhận ông T và bà H có hai con chung là Khuất Minh T và Khuất Thị Minh P cùng sinh ngày 21/12/1993. Các con ông bà đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: ông T và bà H không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008091 ngày 25/7/2018 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Mai Thu**

